

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 4 – 2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Tất Thế

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2024/ TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “Hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐ - ST ngày 08/4/2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1997; Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1997; Nơi đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang sinh sống và lao động tại P. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án chị Đặng Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Q và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 02/11/2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân được hình thành trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng chị vào Bình Dương để làm việc. Khoảng tháng 4 năm 2024 anh T đi lao động tại P còn chị Q thì chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống. Đến

cuối năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng mỗi người ở một nơi nên không có điều kiện quan tâm chăm sóc nhau. Hiện tại hai vợ chồng đã cắt đứt liên lạc với nhau, chị Q xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung
- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận sự việc thông qua việc gọi điện (ghi âm, ghi hình) qua tài khoản mạng xã hội với anh T do người thân cung cấp, có sự chứng kiến của bố đẻ của anh T, nội dung anh trình bày như sau:

Về thời điểm, điều kiện kết hôn, hôn nhân hợp pháp và mâu thuẫn vợ chồng như chị Q khai là đúng. Vợ chồng sống mỗi người một nơi nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, nay chị Q yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Vợ chồng không có con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh và ủy quyền việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bố đẻ là ông Trần Văn B, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, 56, 57, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điều 37, điều 39, Điều 464, điều 469 BLTTDS; Đoạn 2 điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao tuyên xử:

- Chị Đặng Thị Q ly hôn anh Trần Văn T.
- Về con chung: Vợ chồng không có con chung
- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.
- Về án phí: Áp dụng Điều 143; khoản 4 Điều 147; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị Đặng Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn T đang sống và làm việc tại P. Theo công văn số 5049/QLXNC- P3 ngày 14/3/2024 của Cục Q1 thì anh Trần Văn T đã xuất cảnh lần cuối ngày 13/3/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về

nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do điều kiện công việc nên anh T đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho bố để là ông Trần Văn B để giao nhận các tài liệu liên quan đến vụ án nên căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Q và anh T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Q và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/11/2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, do điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình nên anh T đi lao động tại P. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, mỗi người ở một nơi nên tình cảm vợ chồng trở nên xa cách. Chị Q xác định không còn tình cảm với anh T, đời sống chung không thể kéo dài nên mong muốn được ly hôn. Anh T cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng nên chị Q xin ly hôn thì anh đồng ý.

Xét thấy mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, tiến bộ, vợ chồng phải tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng cuộc hôn nhân giữa chị Q và anh T không còn đạt được mục đích đó, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Hiện tại, các đương sự đều tự nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm với nhau và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng nên đồng thuận ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Q.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 123; 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 28; Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều

227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Q ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai số 0000763 ngày 12/01/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND thị trấn Cẩm Xuyên,
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền